CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 14/DALATA/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DALATA**

Địa chỉ: 212 Tô Hiến Thành, Phường Xuân Hương – Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại: 0986 452 838 - 0933 663 809.

E-mail: dalatacoffee212@gmail.com.

Mã số doanh nghiệp: 5801389387.

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: CBCP10/2025/NNPTNT-LĐ, Ngày cấp: 26/02/2025, Nơi cấp: Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường Lâm Đồng.

II.Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: **CÀ PHÊ DALATA – ARABICA HẠT**
2. Thành phần: 100% Arabica.
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

+ Quy cách đóng gói: 100 g, 250 g, 500 g, 1 kg, 2 kg, 3 kg.

+ Chất liệu bao bì: Túi giấy/ PE phủ nhôm, túi Zipper bạc.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: *(Phụ lục đính kèm)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Tiêu chuẩn nhà sản xuất số: 14:2025/DALATA

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 08 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

M.S.D.N: 5801389387 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DALATA
TP. ĐÀ LẠT - T. LÂM ĐỒNG

Đỗ Văn Ân

Scanned with CamScanner

TIÊU CHUẨN NHÀ SẢN XUẤT

CÔNG TY TNHH SX TM DV DALATA	**CÀ PHÊ DALATA – ARABICA HẠT**	SỐ 14:2025/DALATA
		Có hiệu lực từ ngày 10 tháng 08 năm 2025

I.YÊU CẦU KỸ THUẬT:

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

STT	Tên Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Hình dạng	Hạt cà phê hình elip, nở căng
2	Màu sắc	Màu nâu đặc trưng của sản phẩm, hạt rang chín đều, không cháy
3	Mùi vị	Thơm đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ, vị đặc trưng của sản phẩm

2. Hàm lượng kim loại nặng: Áp dụng theo QCVN 8-2:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa	Phương pháp thử
1	Arsen (As)	mg/kg	1	Ref. AOAC 2015.01
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	1	Ref. AOAC 2015.01
3	Chì (Pb)	mg/kg	2	Ref. AOAC 2015.01
4	Thuỷ ngân (Hg)	mg/kg	0,05	Ref. AOAC 2015.01

3. Các chỉ tiêu độc tố vi nấm: Áp dụng theo QCVN 8-1:2011/BYT - Quy định giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

Scanned with CamScanner

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa	Phương pháp thử
1	Ochratoxin A	µg/kg	5	Ref. AOAC 2000.03 (HPLC-FLD)

4. Hàm lượng hóa chất không mong muốn:

- Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Áp dụng theo Thông tư 50/2016/TT-BYT - Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

5. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa	Phương pháp thử
1	Hàm lượng cafein, không nhỏ hơn	%	1,0	TCVN 9723:2013
2	Độ ẩm, không lớn hơn	%	5,0	Ref. TCVN 7035:2002

II. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- Hướng dẫn sử dụng: Lấy 3-4 muỗng (khoảng 20g) cà phê hạt, xay theo sở thích. Lắc đều và ép nhẹ nắp gài bên trong. Dùng khoảng 40 ml nước sôi 95^0C - 100^0C, châm vào phin, chờ cà phê ngấm đều. Sau đó châm thêm khoảng 45 ml nước sôi. Thêm đường, sữa, đá tùy thích theo khẩu vị của bạn.
- Hướng dẫn bảo quản: Để nơi khô ráo, thoáng mát, sạch sẽ, tránh ánh nắng trực tiếp.

III. KẾ HOẠCH GIÁM SÁT ĐỊNH KỲ

- Đối với cơ sở sản xuất, trang thiết bị dụng cụ: Vệ sinh sau mỗi lần sản xuất.
- Con người: Khám sức khỏe định kỳ hàng năm
- Chất lượng sản phẩm: Gửi mẫu định kỳ 12 tháng/ lần

Scanned with CamScanner

V. NGUỒN GỐC NGUYÊN LIỆU, BAO BÌ VÀ PHỤ GIA THỰC PHẨM

- Nguyên liệu: Làm hợp đồng với các nhà cung cấp nguyên liệu
- Bao bì, phụ gia thực phẩm: Làm hợp đồng và lưu trữ hồ sơ tự công bố/ công bố sản phẩm khi được cung cấp

VI. XUẤT XỨ VÀ THƯƠNG NHÂN CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA

- Xuất xứ: Việt Nam
- Sản xuất và chịu trách nhiệm: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DALATA
- Địa chỉ: 212 Tô Hiến Thành, Phường Xuân Hương – Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.
- Điện thoại: 0986 452 838 - 0933 663 809.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

M.S.D.N: 5801389387 C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DALATA
TP. ĐÀ LẠT - T. LÂM ĐỒNG

Đỗ Văn Ẩn

Scanned with CamScanner

NỮ HOÀNG CÀ PHÊ MOKA VIỆT NAM

DALATA COFFEE

ARABICA

NỮ HOÀNG CÀ PHÊ MOKA VIỆT NAM
DALATA COFFEE
www.dalatacoffee.com

HẠT RANG MỘC 100%
COFFEE OF VIETNAM

SẢN XUẤT BỞI CÔNG TY TNHH SX TM DV
DALATA

SỐ 212 TÔ HIẾN THÀNH, PHƯỜNG XUÂN HƯƠNG - ĐÀ LẠT, LÂM ĐỒNG, VIỆT NAM
ĐT: 0933.663.809 - Website: dalatacoffee.com

CÀ PHÊ DALATA - ARABICA

NGUYÊN HẠT

Thành phần: 100% hạt rang mộc ARABICA.
Cách pha chế: Xay thành bột trước khi sử dụng.
- Dùng máy pha cà phê.
- Dùng phin: Cho 2-3 muỗng cà phê bột, cho một ít nước sôi vào để từ 2-3 phút, sau đó cho thêm nước sôi vừa đủ dùng. Dùng thêm đường hoặc sữa tùy ý.

Cách bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát. Đóng kín bao bì sau mỗi lần sử dụng.
Không sử dụng khi sản phẩm có mùi lạ, bị mốc.
Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.
NSX: Xem dưới đáy.
Số: 14/DALATA/2025

8 938526 095250

Khối lượng tịnh: 1 kg

Lazada

Scanned with CamScanner

VIỆN NGHIÊN CỨU HẠT NHÂN
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH
Địa chỉ: 01 Nguyên Tử Lực, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0263 3552584 - Fax: 0263 3821107

VILAS 519

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 250730/1/0662-1

1	Đơn vị (người) gửi mẫu	**Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Dalata**		
2	Địa chỉ	212 Tô Hiến Thành, phường 3, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng		
	Địa chỉ mới	212 Tô Hiến Thành, phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng		
3	Tên/ Mã số mẫu	**CÀ PHÊ DALATA- ARABICA HẠT**		
4	Khối lượng mẫu	0,25 kg	5.Số lượng mẫu	01
6	Mô tả mẫu			
7	Ngày nhận mẫu	30/07/2025	8.Ngày trả kết quả	07/08/2025
9	Kết quả thử nghiệm			

T/T	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử
1	Endosunfan*	mg/kg	KPH (LOQ=0,01)	QTTTPT-13 (2020) Ref.EURL-FV (2010-M4)
2	Permethrin*	mg/kg	KPH (LOQ=0,01)	
3	Deltamethrin*	mg/kg	KPH (LOQ=0,01)	
4	Fenpropathrin*	mg/kg	KPH (LOQ=0,01)	
5	Cypermethrin*	mg/kg	KPH (LOQ=0,01)	
6	Lamda-cyhalothrin*	mg/kg	KPH (LOQ=0,01)	
7	Cyfluthrin*	mg/kg	KPH (LOQ=0,01)	
8	Fenvalerate*	mg/kg	KPH (LOQ=0,01)	
9	Bifenthrin*	mg/kg	KPH (LOQ=0,01)	

KT.Giám đốc
Phó Giám Đốc

Nguyễn Tiến Đạt

KT.Viện trưởng
Phó Viện Trưởng

VIỆN NGHIÊN CỨU HẠT NHÂN

Nguyễn Xuân Hải

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
KPH – không phát hiện, LOQ: giới hạn định lượng; (*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO 17025:2017
BM 7.8.01- phiếu kết quả thử nghiệm – ban hành lần 1

Scanned with CamScanner

Số: 2508284(2)/KQKN
Mã số: 2507533-1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DALATA

Địa chỉ: 212 Tô Hiến Thành, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Địa chỉ mới : 212 Tô Hiến Thành, Phường Xuân Hương - Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Tên mẫu: CÀ PHÊ DALATA - ARABICA HẠT

Tình trạng mẫu: Mẫu thành phẩm, chứa trong túi kín không nhãn

Ngày nhận mẫu: 30/07/2025 **Thời gian thử nghiệm:** 30/07 - 05/08/2025

Ngày trả kết quả: 05/08/2025

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
01	Cafein	%	**1.42**	TCVN 9723:2013 (*)

Phụ trách Kiểm nghiệm

Lê Nguyễn Hạ My

KT. Giám Đốc
Phó Giám Đốc

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DỊCH VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ KHUÊ NAM

Nguyễn Kim Liễu

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.
2. Không được tự ý sửa đổi Phiếu kết quả thử nghiệm dưới bất cứ hình thức nào/ Do not modify the test report under any circumstances.
3. Không được trích dẫn một phần Phiếu kết quả thử nghiệm trong các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích/ Do not cite any part of the test report in any activities that may cause conflict in interests.
4. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng / Information of sample is written as customer's request.
5. (*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận theo ISO/IEC 17025:2017/ (*): Parameters are accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)
6. KPH: không phát hiện. LOD: Giới hạn phát hiện / ND: Not Detected. LOD: Limit of detection
7. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, kết quả được biểu thị "< 10 CFU/g" hoặc "< 1 CFU/mL" hoặc "< 10 CFU/mẫu" được xem như không phát hiện / For microbiological analyte, the results were expressed "< 10 CFU/g" or "< 1 CFU/mL" or "< 10 CFU/sample" can be considered as not detection.

Scanned with CamScanner

Số: 2508284(1)/KQKN
Mã số: 2507533-1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DALATA**
Địa chỉ: 212 Tô Hiến Thành, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
Địa chỉ mới : 212 Tô Hiến Thành, Phường Xuân Hương - Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
Tên mẫu: **CÀ PHÊ DALATA - ARABICA HẠT**
Tình trạng mẫu: Mẫu thành phẩm, chứa trong túi kín không nhãn
Ngày nhận mẫu: 30/07/2025 **Thời gian thử nghiệm:** 30/07 - 05/08/2025
Ngày trả kết quả: 05/08/2025

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
01	Độ ẩm	%	**0.51**	Ref. TCVN 7035:2002 (*)
02	Arsen (As)	mg/kg	**KPH (LOD=0.006)**	Ref. AOAC 2015.01 (*)
03	Cadmi (Cd)	mg/kg	**KPH (LOD=0.006)**	Ref. AOAC 2015.01 (*)
04	Chì (Pb)	mg/kg	**KPH (LOD=0.006)**	Ref. AOAC 2015.01 (*)
05	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	**KPH (LOD=0.006)**	Ref. AOAC 2015.01 (*)
06	Tro tổng	%	**4.85**	TCVN 5253:1990 (*)
07	Ochratoxin A	µg/kg	**KPH (LOD=0.9)**	Ref. AOAC 2000.03 (HPLC-FLD) (*)
08	Tạp chất	%	**KPH (LOD=0.01)**	TCVN 5250:2015

Phụ trách Kiểm nghiệm

Lê Nguyễn Hạ My

KT. Giám Đốc
Phó Giám Đốc

M.S.D.N: 0312497784 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DỊCH VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ KHUÊ NAM - Q. TÂN BÌNH - T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Kim Liễu

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.
2. Không được tự ý sửa đổi Phiếu kết quả thử nghiệm dưới bất cứ hình thức nào/ Do not modify the test report under any circumstances.
3. Không được trích dẫn một phần Phiếu kết quả thử nghiệm trong các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích/ Do not cite any part of the test report in any activities that may cause conflict in interests.
4. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng / Information of sample is written as customer's request.
5. (*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận theo ISO/IEC 17025:2017/ (*): Parameters are accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)
6. KPH: không phát hiện. LOD: Giới hạn phát hiện / ND: Not Detected. LOD: Limit of detection
7. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, kết quả được biểu thị "< 10 CFU/g" hoặc "< 1 CFU/mL" hoặc "< 10 CFU/mẫu" được xem như không phát hiện / For microbiological analyte, the results were expressed "< 10 CFU/g" or "< 1 CFU/mL" or "< 10 CFU/sample" can be considered as not detection.

Scanned with CamScanner